TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG** Bản án số: 302/2023/HNGĐ-ST Ngày 09-9-2023 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Tân**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng và bà Nguyễn Thị Bích Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Bích Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 329/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 328/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 240/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị M,** sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn Th**, sinh năm 1992. Vắng mặt.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã Th, huyện Th, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại Đài Loan (Trung Quốc).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Trần Văn Đ**, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn T, xã Th, huyện Th, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn Th được tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Th, tỉnh Hải Dương vào ngày 30/5/2016. Sau khi kết hôn anh chị chung

sống tại gia đình anh Th, thời gian đầu cuộc sống hòa hợp, hạnh phúc. Đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống khiến anh chị không tôn trọng và thường xuyên xảy ra cãi nhau. Năm 2022 anh Th đi lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), do vợ chồng đã có những mâu thuẫn từ trước nên mỗi lần gọi điện về vợ chồng lại cãi nhau. Gia đình hai bên đã hòa giải, khuyên bảo nhiều lần nhưng quan hệ hôn nhân của vợ chồng chị không được cải thiện. Do mâu thuẫn ngày càng căng thẳng nên chị đã về gia đình ở Hà Nam sinh sống, từ đó vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Trần Văn Th theo quy định.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Trần Nam D, sinh ngày 01/6/2015, hiện ở cùng với bố mẹ đẻ anh Th. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung cho anh Th chăm sóc, nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị nhất trí tạm giao con chung cho bố mẹ đẻ anh Th chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh Th không ở Việt Nam.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của ông Trần Văn Đ (bố đẻ của anh Trần Văn Th) thể hiện: Anh Th hiện đang sinh sống tại Đài Loan (Trung Quốc), địa chỉ cụ thể thì ông không biết, nhưng anh Th thường xuyên liên lạc qua điện thoại với gia đình. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh Th biết. Vợ chồng chị M, anh Th xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không hòa hợp trong cuộc sống cũng như kinh tế. Chị M đã về quê ngoại ở Hà Nam sinh sống, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị M có đơn đề nghị giải quyết ly hôn, ông đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật để giải quyết. Sau khi nhận các văn bản tố tụng, ông đã thông báo cho anh Th biết. Anh Th không gửi văn bản thể hiện quan điểm về việc giải quyết vụ án nhưng có trao đổi với ông qua điện thoại và xác định vợ chồng không còn tình cảm nên cũng đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh Th có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Do hiện đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài nên anh Th đề nghị Tòa án tạm giao con chung cho ông Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung không đề nghị Tòa án giải quyết. Ông Đ nhất trí với sự ủy quyền của anh Th về việc tạm nuôi cháu và không yêu cầu chị M, anh Th cấp dưỡng cho cháu Dương. Ông Đ đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi các đương sự đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Chị Trần Thị M và anh Trần Văn Th kết hôn hợp pháp, địa phương được biết nguyên nhân chị M, anh Th mâu thuẫn là do không hòa hợp, không thống nhất về việc làm ăn kinh tế. Thực tế chị M đã về Hà Nam sinh sống, anh Th đi lao động tại nước ngoài, vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm tới nhau. Nay chị M có đơn ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị Trần Thị M và ông Trần Văn Đ vắng mặt, có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời giữ nguyên các ý kiến đã trình bày. Anh Trần Văn Th vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS), bị đơn giấu địa chỉ, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Về việc giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110,116 Luật HNGĐ, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị Trần Thị M ly hôn anh Trần Văn Th. Về con chung: Giao con chung là Trần Nam D, sinh ngày 01/6/2015 cho anh Th chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc chị M cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng. Trong thời gian anh Th không ở Việt Nam, tạm giao con chung Trần Nam D cho ông Trần Văn Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn Th có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở Thôn T, xã Th, huyện Th, tỉnh Hải Dương, hiện đang sinh sống tại Đài Loan (Trung Quốc), không rõ địa chỉ cụ thể. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị M và gia đình ông Đ không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Th ở nước ngoài. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Mặt khác, gia đình ông Đ vẫn thường xuyên liên lạc với anh Th nên Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho gia đình để thông báo cho anh Th biết việc chị M đề nghị giải quyết ly hôn và các thủ tục tố tụng khác. Gia đình đã nhận các văn bản tố tụng và đã thông báo cho anh Th biết. Tại phiên tòa, anh Th vắng mặt lần thứ hai, chị M, ông Đ có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]Về nội dung:

[2.1]Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị M và anh Trần Văn Th kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Th, tỉnh Hải Dương ngày 30/5/2016, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị có mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp trong cuộc sống cũng như kinh tế, thực tế vợ chồng sống ly thân mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm với nhau. Anh Trần Văn Th không thể hiện quan điểm bằng văn bản nhưng thông qua việc liên lạc với gia đình, anh Th xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa

chị Trần Thị M và anh Trần Văn Th đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm tới ai, mục đích hôn nhân không đạt được và được chứng minh thông qua lời khai của đại diện gia đình, quan điểm của địa phương và của các đương sự. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Trần Thị M ly hôn anh Trần Văn Th là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Trần Thị M và anh Trần Văn Th có một con chung là Trần Nam D, sinh ngày 01/6/2015. Xét về thực tế con chung đang ở cùng với ông Đ. Anh Th có nguyện vọng được nuôi con và ủy quyền cho ông Đ nuôi cháu trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam. Chị M cũng nhất trí quan điểm của anh Th. Để đảm bảo sự ổn định và sự phát triển về mọi mặt của con chung, HĐXX chấp nhận giao cho anh Trần Văn Th nuôi dưỡng con chung là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Trong thời gian anhTh không ở Việt Nam, tạm giao con chung Trần Nam D cho ông Trần Văn Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn Đ không yêu cầu chị M, anh Th cấp dưỡng cho cháu Trần Nam D. Nếu chị M có căn cứ cho rằng anh Th không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Thông qua gia đình, anh Th yêu cầu chị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định. HĐXX thấy chị M có công việc và thu nhập, con chung còn nhỏ cần có chi phí cần thiết để phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày. Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện mức chi phí sinh hoạt phục vụ nhu cầu thiết yếu cho trẻ trong độ tuổi trên là 3.000.000 đồng/tháng. Do vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chung chưa thành niên và khả năng cấp dưỡng của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, cần buộc chị M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là 1.500.000đồng/01 tháng là phù hợp với quy định tại Điều 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết phân chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật (nếu có).

[3] Về án phí: Chị Trần Thị M phải chịu án phí dân sự (về hôn nhân gia đình) sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điểm a, Khoản 5, điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82; 83; 110; 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, Khoản 5, điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Trần Thị M** ly hôn anh **Trần Văn Th.**

2. Về con chung: Giao cho anh Trần Văn Th chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Nam D, sinh ngày 01/6/2015. Buộc chị Trần Thị M cấp dưỡng cho con với số tiền là 1.500.000đ/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2023 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Không ai được cản trở chị Trần Thị M thực hiện quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong thời gian anh Trần Văn Th không có mặt tại Việt Nam, tạm giao con chung Trần Nam D cho ông Trần Văn Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn Đ không yêu cầu chị M, anh Th cấp dưỡng cho cháu Trần Nam D.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền như đã tuyên nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất được tính theo quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Chị Trần Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0002128 ngày 11 tháng 7 năm 2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

Chị Trần Thị M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Văn Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị Trần Thị M, ông Trần Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;

- Các đương sự;

- Cục THADS tỉnh Hải Dương;

- UBND xã Th, huyện Th, Hải Dương (để ghi sổ hộ tịch);

- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân